|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN** **TỈNH KHÁNH HÒA**Số: /BC-P11. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ *Khánh Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2016* |

**BÁO CÁO TẬP HUẤN**

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**

**CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN** **DÂN SỰ**

**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯**

Trong thời gian qua, bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhiệm vụ kiểm sát thi hành án dân sự của Viện kiểm sát cũng đã bộc lộ những tồn tại, bất cập cần được khắc phục, trong đó một phần do hạn chế về nhận thức (phần lớn là vị trí nhiệm vụ) về năng lực chuyên môn công tác kiểm sát thi hành án dân sự của đội ngũ Cán bộ, Kiểm sát viên được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm sát thi hành án dân sự. Do đó, việc tăng cường tập huấn, nghiên cứu pháp luật về thi hành án dân sự cũng như những quy định về quyền hạn, nhiệm vụ của công tác kiểm sát thi hành án dân sự cho đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự nhằm cung cấp những kiển thức về pháp luật và kỹ năng nghề nghiệp là rất cần thiết, góp phần bảo đảm nhiệm vụ công tác kiểm sát thi hành án dân sự đạt hiệu quả, đó cũng không nằm ngoài mục đích của Hội nghị tập huấn *“Thực trạng và những giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát thi hành án dân sự của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp ở Khánh Hòa”.*

**I/ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**CỦA VIỆN KIỂM SÁT HAI CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA.**

Để đánh giá về thực trạng hoạt động kiểm sát thi hành án dân sự của Viện kiểm sát, thì cần phải có một thời lượng về thời gian tương đối dài, trong phạm vi chương trình Hội nghị này, chúng tôi chỉ xin được nêu hoạt động công tác kiểm sát của Viện kiểm sát đối với một số hoạt động của Chấp hành viên cơ quan thi hành án thông qua đó để đánh giá chất lượng của khâu công tác kiểm sát thi hành án dân sự của Viện kiểm sát hai cấp trong thời gian vừa qua.

Qua thực hiện công tác kiểm sát và theo dõi thực trạng công tác thi hành án của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự còn nhiều tồn tại. Chúng tôi xin nêu một số dạng vi phạm, tồn tại theo dạng phổ biến nhất và đánh giá bao quát để phần nào nhìn nhận những tồn tại, vi phạm “mang tính phổ biến” của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự trong thời gian qua.

Trong báo cáo tập huấn phục vụ Hội nghị này chúng tôi tập trung đánh giá thực trạng về hoạt động công tác xác minh điều kiện thi hành án và hoạt động áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự do Chấp hành viên Cơ quan thi hành án thực hiện trong thời gian vừa qua; đồng thời đánh giá chất lượng công tác kiểm sát đối với hai nội dung này.

 **1. Thực trạng về hoạt động xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự.**

 **1.1 Nhận thức chung về công tác xác minh điều kiện thi hành án.**

 Xác minh điều kiện thi hành án là việc làm của Chấp hành viên nhằm tìm kiếm, xác định các thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, để làm căn cứ tổ chức thực hiện việc thi hành án theo quy định của pháp luật. Trước ngày 01/7/2015 (ngày Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 có hiệu lực) theo Luật thi hành án dân sự năm 2008 thì trách nhiệm xác minh điều kiện thi hành án còn thuộc về người được thi hành án phải xác minh, cung cấp kết quả xác minh cho Cơ quan thi hành án dân sự để làm cơ sở cho việc thụ lý ra quyết định thi hành án. Tuy nhiên, kể từ sau ngày 01/7/2015 thì việc xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thuộc trách nhiệm của Chấp hành viên, có nghĩa là chuyển trách nhiệm xác minh của người được thi hành án thành trách nhiệm của Nhà Nước thông qua hoạt động của Chấp hành viên Cơ quan thi hành án dân sự.

Đồng thời xác định rõ thời hạn Chấp hành viên phải tiến hành xác minh là trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay.

Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 06 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh lại điều kiện thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Cần lưu ý: *Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.*

Luật thi hành án dân sự năm 2014 cũng quy định khi xác minh điều kiện thi hành án, Chấp hành viên có trách nhiệm cụ thể như: Xuất trình thẻ Chấp hành viên; lập biên bản thể hiện đầy đủ kết quả xác minh có xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh thay cho phải 03 chữ ký như trước đây.v.v. Luật thi hành án dân sự cho phép người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự. Trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và người được thi hành án khác nhau hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát thì phải xác minh lại. Việc xác minh lại được tiến hành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát.

Luật thi hành án dân sự cũng quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án phải cung cấp thông tin cho Chấp hành viên, người được thi hành trong thời hạn nhất định và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin:

*+* Cơ quan, tổ chức, công chức Tư pháp - Hộ tịch, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường, cán bộ, công chức cấp xã khác và cá nhân có liên quan thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin đã cung cấp;

+ Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, Công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay;

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trường hợp người được thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai sự thật về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, thanh toán các chi phí phát sinh, trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

 Như vậy, cho thấy việc xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án là việc làm rất quan trọng, là cơ sở xuyên suốt cho quá trình thi hành án, làm căn cứ cho việc giải quyết việc thi hành án; áp dụng hay không áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án, áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế nào, áp dụng đến đâu, áp dụng khi nào thì Chấp hành viên đều phải căn cứ vào kết quả xác minh điều kiện thi hành án để quyết định. Quan trọng là vậy, nhưng nhiều khi công tác xác minh không được Chấp hành viên, Cơ quan thi hành án quan tâm thực sự hoặc thực hiện còn sơ sài, thiếu sót.

**1.2 Thực trạng công tác xác minh của Chấp hành viên.**

Qua công tác kiểm sát cho thấy sau đây là dạng tồn tại, vi phạm phổ biến của Chấp hành viên, Cán bộ cơ quan thi hành án dân sự, cụ thể ở các dạng:

***1.2.1 Vi phạm về thời hạn xác minh điều kiện thi hành án:***

Đây là dạng vi phạm phổ biến ở các Chi cục THADS, có những hồ sơ từ khi ra Quyết định thi hành án (trường hợp chủ động ra Quyết định thi hành án) Chấp hành viên không tác nghiệp hoặc để kéo dài, cá biệt có vụ việc đã nhiều năm Chấp hành viên không tiến hành xác minh.

Việc để lâu không tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên đã vi phạm vào khoản 1, khoản 2 Điều 44 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, quy định: *“1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay…*

*2. Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 06 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án”.*

***1.2.2. Về nội dung xác minh:***

Đối với nhiều Chấp hành viên khi xác minh điều kiện thi hành án như chỉ làm để cho có, còn nội dung xác minh không phục vụ cho quá trình tổ chức thi hành án, ví dụ như: biên bản xác minh của Chấp hành viên thể hiện đương sự được gia đình cho 01 thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, Chấp hành viên không xác minh tình trạng của thửa đất này, hiện nay đã chuyển nhượng, thế chấp cầm cố, tặng cho ai chưa; biên bản xác minh không có thành phần của cán bộ cơ quan chuyên môn là cơ quan địa chính, cán bộ khu dân cư .. làm rõ việc xác minh hoặc khi cần xác minh ở các cơ quan liên quan đến tài sản của người phải thi hành án theo khoản 4 Điều 44 Luật thi hành án dân sự, quy định: *“Khi xác minh điều kiện thi hành án, Chấp hành viên có trách nhiệm sau* *đây:*

*a) Xuất trình thẻ Chấp hành viên;*

*b) Xác minh cụ thể tài sản, thu nhập, các điều kiện khác để thi hành án; đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm thì còn phải xác minh tại cơ quan có chức năng đăng ký tài sản, giao dịch đó;*

*c) Trường hợp xác minh bằng văn bản thì văn bản yêu cầu xác minh phải nêu rõ nội dung xác minh và các thông tin cần thiết khác;*

*d) Trường hợp người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức thì Chấp hành viên trực tiếp xem xét tài sản, sổ sách quản lý vốn, tài sản; xác minh tại cơ quan, tổ chức khác có liên quan đang quản lý, bảo quản, lưu giữ thông tin về tài sản, tài khoản của người phải thi hành án;*

*đ) Yêu cầu cơ quan chuyên môn hoặc mời, thuê chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh trong trường hợp cần thiết;*

*e) Lập biên bản thể hiện đầy đủ kết quả xác minh có xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh”.*

Những việc thi hành cho người được thi hành án là các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng, mà bản án, quyết định của Tòa án tuyên duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thi hành án. Đối với loại việc này Chấp hành viên thường hay chủ quan tin tưởng vào việc thế chấp của các Ngân hàng do vậy không xác minh cụ thể tài sản thế chấp theo hợp đồng,dẫn đến tài sản đã kê biên có nguy cơ không xử lý được.

***1.2.3. vi phạm khác.***

**T**hông qua công tác kiểm sát trực tiếp đối với các Chi cục thi hành án dân sự cấp huyện, Viện kiểm sát tỉnh còn phát hiện một số Chấp hành viên ở một vài đơn vị thi hành án dân sự cấp huyện có Biên bản xác minh điều kiện thi hành án (theo mẫu của ngành thi hành án dân sự) đã được đại diện UBND cấp xã nơi có người phải thi hành án cư trú ký tên và đóng dấu khống chỉ. Sau khi phát hiện, Viện kiểm sát tỉnh đã làm việc với Cơ quan thi hành án và chính quyền địa phương để làm rõ nội dung đồng thời có kiến nghị đến Cơ quan thi hành án dân sự cấp trên và chính quyền địa phương nhằm tạo sự nhận thức rõ về tầm quan trọng của công tác xác minh điều kiện thi hành án dân sự và hệ lụy của việc ký tên, đóng dấu khống chỉ vào biên bản xác minh điều kiện thi hành án.

Như vậy cho thấy, công tác xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên là cực kỳ quan trọng, từ kết quả xác minh sẽ dẫn đến hành động tiếp theo của Chấp hành viên, của Cơ quan thi hành án dân sự áp dụng hay không áp dụng các biện pháp bảo đảm, các biện pháp cưỡng chế thi hành án, và áp dụng đến đâu, khi nào,…Nó còn bảo đảm cho việc cưỡng chế, áp dụng biện pháp bảo đảm của Chấp hành viên đúng và trúng đối tượng được áp dụng để đảm bảo việc xử lý tài sản thi hành án.

**2. Công tác kiểm sát đối với hoạt động xác minh của Chấp hành viên.**

***2.1 Đánh giá thực trạng chung.***

Khi theo dõi về tình hình kiểm sát đối với nội dung này, cho thấy hoạt động kiểm sát còn bộc lộ nhiều yếu kém, chưa thường xuyên bám sát để kiểm sát công tác xác minh của Chấp hành viên, minh chứng cho điều đó là các vụ có sai phạm xuất phát từ hoạt động xác minh của Chấp hành viên thường được thông qua công tác kiểm sát trực tiếp hàng năm của Viện kiểm sát (của cả hai cấp tỉnh và huyện), mà hoạt động này thường là cách rất lâu sau thời điểm diễn ra việc xác minh của Chấp hành viên; hoặc thông qua đơn thư khiếu nại tố cáo của đương sự, của công dân dẫn đến việc xử lý hậu quả có việc, có nơi là rất nặng nề. Vấn đề đặt ra ở đây là Lãnh đạo và Kiểm sát viên của Viện kiểm sát ở cả hai cấp chưa chú trọng và chưa làm hết trách nhiệm của mình, còn coi nhẹ công tác này.

Hàng năm, thông qua công tác kiểm sát trực tiếp đối với Cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên, thì nhóm vi phạm về xác minh điều kiện thi hành án luôn chiếm tỷ lệ lớn và điều đáng quan tâm hơn nữa là dạng vi phạm này lại thường xuyên, liên tục được lặp đi lặp lại đối với hầu hết ở tất cả các Chấp hành viên, các cơ quan thi hành án dân sự

Đánh giá về chất lượng công tác kiểm sát thi hành án dân sự chúng tôi cho rằng đây là điểm kiểm sát then chốt mà công tác kiểm sát thi hành án dân sự cần chú tâm nhất, bởi lẽ, khi mà không kiểm sát được việc phân loại án của cơ quan thi hành án thông qua kiểm sát chặt chẽ, chính xác và thường xuyên hoạt động xác minh của Chấp hành viên thì công tác kiểm sát thi hành án dân sự của Viện kiểm sát các cấp “coi như thất bại”, vì nếu không kiểm sát tốt được hoạt động xác minh của Chấp hành viên, thì không thể phân loại chính xác việc thi hành án có điều kiện hay không có điều kiện thi hành án, cũng như là cơ sở để yêu cầu Chấp hành viên tiến hành các hoạt động khác trong quá trình tác nghiệp tổ chức giải quyết việc thi hành án; đồng thời cũng không thể kiểm sát chính xác được kết quả giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự (thông qua việc thống kê các kỳ báo cáo).

***2.2 Đánh giá nguyên nhân của thực trạng.***

2.2.1 Nguyên nhân khách quan.

Đánh giá về nguyên nhân khách quan chúng tôi cho rằng, nguyên nhân khách quan chủ yếu dẫn đến kém hiệu quả về hoạt động kiểm sát công tác xác minh của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự trong thời gian vừa qua là do sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của ngành kiểm sát còn chưa được thường xuyên, sâu sát; thứ hai là do lực lượng cán bộ, kiểm sát viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự vừa yếu về năng lực lại vừa thiếu nhiều về số lượng.

2.2.2 Nguyên nhân chủ quan.

Cán bộ, kiểm sát viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự đã không nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự. Thường thì khi phát sinh thụ lý việc thi hành án, cán bộ, kiểm sát viên chỉ chú ý đến kiểm sát việc ra quyết định thi hành án hoặc khi phát sinh cưỡng chế thi hành án thì mới nghiên cứu hồ sơ để lập phiếu đề xuất với Lãnh đạo viện còn lại hoạt động xác minh của Chấp hành viên thường là không được kiểm sát thường xuyên. Đây là nguyên nhân cơ bản dẫn đến hoạt động của công tác kiểm sát trong lĩnh vực này trong thời gian vừa qua kém hiệu quả.

***2.3. Một số lưu ý và đề xuất để thực hiện tốt công tác kiểm sát hoạt động xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên.***

Xuất phát từ thực tế của hoạt động xác minh của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự và hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong thời gian vừa qua và để hoạt động kiểm sát nội dung này được thực hiện có hiệu quả chúng tôi xin nêu một số nội dung mà Chấp hành viên cần thực hiện để làm cơ sở phục vụ cho hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát về nội dung này:

Khi kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên phải kiểm sát xem công tác xác minh có cụ thể điều kiện kinh tế, hiện trạng tài sản, căn cứ vào nội dung trình bày của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức khác cung cấp hay chưa. Theo quy định của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì khi tiến hành xác minh Chấp hành viên phải yêu cầu người phải thi hành án kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án. Như vậy, khi thực hiện việc xác minh thi Chấp hành viên phải xem xét một cách tổng thể, kiểm tra các nội dung có liên quan đến các đối tượng khác nhau, chứ không thể tin vào việc kê khai của đương sự hoặc lời trình bày của một bên. Việc xác minh phải được thực hiện triệt để, theo hướng truy nguyên đến nguồn cội, điều kiện cụ thể hiện tại, chứ không được để việc xác minh bị bỏ lửng …

Ví dụ: Để thi hành khoản nghĩa vụ buộc A trả cho B số tiền 500.000.000đ và lãi xuất chậm thi hành án, thì phải tiến hành xác minh sau thời hạn tự nguyện thi hành án (10 ngày kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án). Khi xác minh, A trình bày hiện nay không có tài sản gì và không có thu nhập, nhà là đang ở nhờ, hoặc ở chung cùng bố mẹ. Chấp hành viên không thể dựa vào lời trình bày của A để kết luận là A không có điều kiện thi hành án mà cần căn cứ vào các dữ kiện khác để tiếp tục xác minh. Theo đó cần xác minh qua tổ dân phố về nghề nghiệp của A và các hoạt động tạo thu nhập hiện nay, xác minh về chủ quyền nhà đất mà A hiện đang cư trú thông qua khu hành chính, chính quyền địa phương, cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất ... để xác định rõ hiện nay nhà đất đó của A hay của cha mẹ A hoặc đã tặng cho A, từ đó có kết luận chính xác về điều kiện thi hành án của A.

Mặt khác, khi thực hiện việc xác minh phải xác minh một cách chính xác và đầy đủ. Có nghĩa là xác định đúng tình trạng, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án và đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, đảm bảo phản ánh một cách trung thực, rõ ràng về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; tránh trường hợp xác minh không đầy đủ, thiếu chính xác, bỏ lửng không truy nguyên, dẫn đến việc tổ chức giải quyết thi hành án không hiệu quả, thậm chí là sai lệch nghiêm trọng, hậu quả khó lường.

Tùy theo từng vụ việc cụ thể mà nội dung tiến hành xác minh có thể khác nhau. Tuy nhiên, dựa theo các khoản nghĩa vụ đã được phân định theo Luật thi hành án dân sự, thì việc xác minh theo các loại nghĩa vụ khác nhau như xác minh để thi hành khoản nghĩa vụ trả vật, giấy tờ, tài sản; thi hành nghĩa vụ trả nhà, giao nhà, chuyển giao quyền sử dụng đất; xác minh để thực hiện việc thi hành khoản nghĩa vụ trả tiền; buộc thực hiện công việc hoặc không thực hiện công việc nhất định nào đó. Nắm rõ được nội dung việc phải thi hành án để xác định việc phải xác minh theo từng loại việc phải thi hành án là cơ sở phục vụ cho công tác kiểm sát của Viện kiểm sát đối với hoạt động này của Cơ quan thi hành án dân sự đạt hiệu quả và chất lượng.

**=>** Tóm lại, trong quá trình kiểm sát, Kiểm sát viên phải nắm vững nội dung phải thi hành án, thông hiểu những kỹ năng nghiệp vụ xác minh điều kiện thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, để từ đó thực hiện kiểm sát việc xác minh của Chấp hành viên, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của xác minh điều kiện thi hành án phục vụ cho quá trình giải quyết việc thi hành án.

**3. Thực trạng công tác cưỡng chế thi hành án và hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát.**

***3.1. Nhận thức chung về nghiệp vụ cưỡng chế thi hành án dân sự.***

Trong thi hành án dân sự, cưỡng chế thi hành án là việc Chấp hành viên sử dụng quyền năng mà pháp luật trao cho để buộc người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ của họ đối với người được thi hành án, mà nghĩa vụ đó đã được ấn định trong bản án, quyết định đã có hiệu pháp luật của Tòa án. Mặc dù việc cưỡng chế thi hành án dân sự là trái với ý muốn chủ quan của người phải thi hành án; hơn nữa việc cưỡng chế thường nảy sinh nhiều vấn đề về khiếu kiện do đặc điểm là nó ảnh hưởng đến điều kiện, sinh hoạt đời sống hàng ngày và trái với ý muốn chủ quan của người phải thi hành án là đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, cho nên dù đúng hay sai, dù ít hay nhiều cũng không tránh khỏi đơn thư khiếu nại. Do vậy, kiểm sát việc áp đụng biện pháp cưỡng chế buộc Kiểm sát viên phải hết sức thận trọng

Kiểm sát viên phải hiểu rõ, Chấp hành viên là người trực tiếp được giao tổ chức thi hành bản án, quyết định và cũng chỉ có Chấp hành viên mới là người được pháp luật trao quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, dù là Thủ trưởng hay Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thì khi áp dụng biện pháp cưỡng chế đều phải thực hiện với tư cách là Chấp hành viên.

Xuất phát từ tính chất nhạy cảm, phức tạp, tầm quan trọng cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định hết sức chặt chẽ về điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Tránh tình trạng cưỡng chế một cách tùy tiện, chủ quan và cảm tính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân, gây mất lòng tin của nhân dân đối với cơ quan Nhà nước và ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội chung.

Căn cứ để áp dụng biện pháp cưỡng chế được quy định tại các khoản 1 Điều 46 Luật thi hành án dân sự quy định: *"Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế";* khoản 1 Điều 45 Luật thi hành án dân sự, quy định: "*Thời hạn tự nguyện thi hành án là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án*".

Như vậy, qua các quy định trên rút ra là bắt buộc phải thoả mãn đủ hai điều kiện thì mới có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với người phải thi hành án, hai điều kiện đó là:

***Thứ nhất, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án.***

Theo giải thích tại khoản 6 Điều 3 Luật thi hành án dân sự, quy định: “*Có điều kiện thi hành án là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án*”.

Để xác định là người phải thi hành án có điều kiện thi hành, Kiểm sát viên phải kiểm sát kỹ việc xác minh điều kiện thi hành án một cách đầy đủ và toàn diện, kiểm tra các nguồn cung cấp thông tin có đáng tin cậy hay không. Trong thực tế kiểm sát có nhiều trường hợp Kiểm sát viên do không kiểm sát chặt chẽ việc xác minh, kiểm sát qua loa, chiếu lệ dẫn đến việc cưỡng chế tài sản không phải là của người phải thi hành án hay là cưỡng chế tài sản của vợ để thi hành nghĩa vụ riêng của chồng ....

***Thứ hai, đã hết thời hạn tự nguyện thi hành án.***

So với Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 đã có quy định khác về thời hạn tự nguyện thi hành án. Theo Luật trước đây thì thời gian tự nguyện thi hành án là 15 ngày. Đến nay, theo Luật thi hành án dân sự thì đối với mọi trường hợp, người phải thi hành án đều có thời gian tự nguyện thi hành án là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án hoặc được thông báo hợp lệ, trừ trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên có thể áp dụng ngay các biện pháp bảo đảm hoặc biện pháp cưỡng chế thi hành án mà không cần phải đợi hết thời hạn tự nguyện thi hành án.

Như vậy, sau khi được phân công kiểm sát việc cưỡng chế Kiểm sát viên cần kiểm sát việc thực hiện thông báo, tống đạt quyết định thi hành án của Chấp hành viên cho người phải thi hành án để làm căn cứ tính thời điểm kết thúc thời hạn tự nguyện thi hành án, thì người phải thi hành án mới bị cưỡng chế.

Thực tế đã xảy ra trường hợp ở Chi cục THADS huyệnVạn Ninh, khi chưa hết thời hạn tự nguyện, Chấp hành viên đã ban hành Quyết định cưỡng chế.

Việc thông báo thế nào là hợp lệ được quy định cụ thể từ Điều 39 đến Điều 43 Luật thi hành án dân sự, Điều 12 của Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 17/8/2015 của Chính Phủ.

Như vậy, khi kiểm sát việc cưỡng chế, Kiểm sát viên phải kiểm sát hai điều kiện bắt buộc nói trên và phải thoả mãn đủ (trừ trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án), thì mới có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với người phải thi hành án được. Kiểm sát viên không được coi nhẹ bất cứ điều kiện nào, nếu không rất dễ phát sinh khiếu nại từ phía người phải thi hành án. Trong thực tiễn kiểm sát đã chứng minh có nhiều trường hợp, do Chấp hành viên coi nhẹ hoạt động thông báo, Kiểm sát viên kiểm sát hồ sơ cũng lơ là không kiểm sát chặt chẽ việc việc thông báo quyết định thi hành án cho người phải thi hành án, sau khi cưỡng chế người phải thi hành án đã khiếu nại vì không nhận được quyết định thi hành án; các quyết định về thi hành án cũng như các văn bản thông báo khác của Chấp hành viên, dẫn đến khiếu kiện đó là những bài học đắc giá mà qua công tác kiểm sát chúng tôi rút ra được từ việc chủ quan của Chấp hành viên, sự lơ là trong hoạt động kiểm sát của kiểm sát viên đã xem nhẹ những hoạt động tưởng như chỉ mang tính chất thủ tục.

Khi đã thấy có đủ 02 điều kiện bắt buộc đã nêu ở trên, Kiểm sát viên cần lưu ý kiểm sát theo một số nguyên tắc trong việc cưỡng chế thi hành án dân sự mang tính xuyên suốt sau đây:

*Thứ nhất, nguyên tắc tương ứng* (khoản 1 Điều 13 của Nghị định 62) quy định: …"*Việc áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết ...*"

Có thể hiểu nguyên tắc này là Chấp hành viên cần lựa chọn áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với tài sản nào có giá trị ước tính tương ứng với nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án và các chi phí phát sinh tạm tính liên quan đến việc cưỡng chế.

Nguyên tắc tương ứng đặt ra chỉ mang tính chất tương đối, không thể chính xác và cũng không phải tương ứng có nghĩa là phải bằng nhau mà theo kinh nghiệm kiểm sát, chúng tôi cho rằng giữa giá trị tài sản ước tính với nghĩa vụ phải thi hành án + chi phí phát sinh tạm tính có thể chênh lệch nhau đến 10% giá trị của tài sản đó là có thể thoả mãn nguyên tắc tương ứng.

Nguyên tắc tương ứng bị loại trừ trong trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 62:" *...Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế để thi hành án*"; và thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định 62, là *“Trường hợp người phải thi hành án tự nguyện đề nghị kê biên tài sản cụ thể trong số nhiều tài sản mà không gây trở ngại cho việc thi hành án và tài sản đó đủ để thi hành án, các chi phí liên quan thì Chấp hành viên lập biên bản giải thích cho họ về việc phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản đó và tiến hành kê biên tài sản để thi hành án. Người phải thi hành án bị hạn chế quyền thực hiện giao dịch đối với các tài sản khác cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án”.*

Như vậy, nếu thuộc hai trường hợp đã được quy định ở trên, có thể quyết định ngay sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với tài sản có giá trị lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành của người phải thi hành án, mà không cần phải tuân theo nguyên tắc tương ứng nữa.

*Thứ hai, chỉ áp dụng các biện pháp cưỡng chế đã được pháp luật quy định.* Cụ thể được quy định tại Điều 71 Luật Thi hành án dân sự. Nguyên tắc này nhằm chỉ rõ phạm vi các biện pháp cưỡng chế được lựa chọn căn cứ vào đặc điểm nghĩa vụ của người phải thi hành án.

Để giải quyết một việc thi hành án cụ thể, có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế cùng một lúc trong số các biện pháp cưỡng chế đã được quy định ở trên. Đối với từng loại nghĩa vụ và từng đối tượng cưỡng chế khác nhau, Luật thi hành án dân sự đã dành từ Mục 2 đến Mục 10 của Chương IV để quy định cụ thể trình tự, thủ tục tiến hành cưỡng chế rất chi tiết và đầy đủ. Đây có thể nói là một thuận lợi rất lớn cho việc tổ chức thực hiện.

*Thứ ba, không tổ chức cưỡng chế trong một số thời điểm nhất định.* Nguyên tắc này đã được thể chế rõ ràng trong khoản 2 Điều 46 Luật thi hành án dân sự*: “Không tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định”*; Khoản 2 Điều 13 của Nghị định 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 *"Ngoài những trường hợp không tổ chức cưỡng chế thi hành án do Luật thi hành án dân sự quy định, cơ quan thi hành án dân sự không tổ chức cưỡng chế thi hành án có huy động lực lượng trong thời hạn 15 ngày trước và sau tết Nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách, nếu họ là người phải thi hành án; các trường hợp đặc biệt khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương”*.

Nguyên tắc này thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta, đặc điểm của những ngày này là thời gian nhạy cảm hoặc là những ngày truyền thống đã được công nhận. Ví dụ ngày 27/7 nếu đối tượng phải thi hành án là thương binh, gia đình chính sách; ngày 22-12 nếu đối tượng phải thi hành án là quân nhân ...

Ngoài ra, khi kiểm sát việc cưỡng chế Kiểm sát viên cũng cần lưu ý tránh những ngày diễn ra các sự kiện lớn hoặc có tầm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, phong tục tập quán tại địa phương như ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, ngày Đại hội Đảng; ngày tết của đồng bào dân tộc thiểu số ... để tổ chức cưỡng chế.

Căn cứ để cưỡng chế thi hành án là Điều 70 Luật Thi hành án dân sự làBản án, quyết định; Quyết định thi hành án; Quyết định cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong toả tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án.

Theo quy định trên thì để có thể đưa ra cưỡng chế thi hành án đối với người phải thi hành án phải có đầy đủ các căn cứ đã nêu, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong toả tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu thuộc một trong các trường hợp này thì chỉ cần căn cứ vào Bản án, quyết định và quyết định thi hành án để tổ chức cưỡng chế và xử lý tài sản theo Điều 127 và Điều 130 Luật Thi hành án dân sự mà không cần ban hành quyết định cưỡng chế.

Có thể thấy rằng, cưỡng chế trong thi hành án dân sự là một biện pháp thi hành án thể hiện rõ nhất bản chất của việc Nhà nước sử dụng quyền lực của mình mà cụ thể là thông qua hoạt động của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự để tác động đến người phải thi hành án nhằm đảm bảo hiệu lực trên thực tế của các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Chính vì mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng đó mà pháp luật cũng quy định rất chặt chẽ về thẩm quyền, điều kiện và trình tự, thủ tục áp dụng và đòi hỏi Chấp hành viên phải tuân thủ triệt để các quy định đó. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án cũng là biện pháp tác động tiêu cực nhất đến người phải thi hành án vì nó trái với ý chí chủ quan của họ, vì vậy đại đa số người phải thi hành án sẽ có hành động "trả đũa" việc làm của Chấp hành viên như đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc thậm chí đe doạ tính mạng, sức khoẻ của mình hoặc của người khác để gây áp lực đối với Chấp hành viên và cơ quan Thi hành án. Bên cạnh đó, áp dụng biện pháp cưỡng chế cũng ít nhiều gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội. Do đó, khi kiểm sát việc áp dụng biện pháp cưỡng chế, để hạn chế thấp nhất những vi phạm liên quan đến trình tự, thủ tục và tránh nảy sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo, đòi hỏi Kiểm sát viên phải nắm vững các quy định của pháp luật có liên quan nói chung và quy định của pháp luật thi hành án dân sự nói riêng.

**3.2 Thực trạng hoạt động áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự.**

Qua công tác kiểm sát thi hành án dân sự, cho thấy hoạt động áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân dự của Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự chiếm tỷ lệ không nhiều so với tổng số việc phải thi hành, nhưng số việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế, nhất là cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành án thì ngày càng gia tăng, tính chất, mức độ phức tạp cũng có những diễn biến khó lường, rồi những tồn tại, vi phạm của Chấp hành viên trong nội dung này cũng rất đa dạng, từ việc Chấp hành viên không áp dụng hoặc không kịp thời áp dụng các biện pháp cưỡng chế, dẫn đến các tài sản là động sản bị tác động bởi điều kiện thực tế, làm giảm giá trị tài sản (điều này thể hiện qua kết quả trong các biên bản xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên xác lập qua các mốc thời gian khác nhau); đến việc tồn tại, vi phạm ngay trong quá trình tác nghiệp hoạt động cưỡng chế, quá trình xử lý tài sản cưỡng chế… Có thể nêu ra một số dạng vi phạm, tồn tại sau đây:

***3.2.1 Vi phạm quy định điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP và khoản 3 Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.***

Qua công tác kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh nhận thấy một số vi phạm trong quá trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên là:

- Quá trình tổ chức cưỡng chế tài sản chung của người phải thi hành án, Chấp hành viên đã không thông báo cho người sở hữu chung (chồng, vợ hoặc những người trong hộ với người phải thi hành án) biết việc cưỡng chế thi hành án;

- Khi bán tài sản kê biên đảm bảo thi hành án, Chấp hành viên cũng không thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

***3.2.2 Một số dạng vi phạm khác trong hoạt động cưỡng chế kê biên của Chấp hành viên.***

Cũng qua công tác kiểm sát Viện kiểm sát tỉnh còn phát hiện một số dạng tồn tại, vi phạm khác trong hoạt động cưỡng chế kê biên tài sản của Chấp hành viên như:

- Qua theo dõi Viện kiểm sát tỉnh nhận thấy, trong nhiều vụ kê biên của Cơ quan thi hành án do diện tích đất thực tế có chênh lệch thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi kê biên; Chấp hành viên đã kê biên tổng diện tích đất thực tế nhưng kết quả thẩm định giá và hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản do Chấp hàn viên ký với các tổ chức bán đấu giá lại chỉ theo diện tích được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hệ quả là không giao được tài sản bán đấu giá thành cho người mua đấu giá dẫn đến khiếu kiện kéo dài;

- Một dạng vi phạm nữa mà chúng tôi sử dụng cụm từ cho loại vi phạm này là “ Cưỡng chế bằng thị sát”.

Trong quá trình thực hiện việc cưỡng chế kê biên do đương sự chây ỳ, chống đôi bất hợp tác bằng hình thức khóa cổng, cửa bỏ đi không có mặt tại buổi Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế, tình huống này cũng có thể Chấp hành viên đã dự liệu hoặc không dự liệu, nhưng vì nhiều lý do khác nhau mà Chấp hành viên “e ngại” không tiến hành tác nghiệp theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án dân sự mà vẫn cho tiến hành lập biên bản kê biên theo “quan sát từ sự nhìn nhận bên ngoài” cổng, cửa nhà của tài sản bị kê biên chứ không mở, phá khóa cổng cửa của người phải thi hành án để tiến hành việc đo đạt diện tích đất, kiểm kê, mô tả thực trạng tài sản kê biên, để thẩm định và bán đấu giá, hệ quả là có những vụ việc người phải thi hành án và thậm chí là người mua trúng đấu giá tài sản khiếu kiện vì có sự sai chênh lệch về diện tích đất, về số, chủng loại tài sản và cả chênh lệch về giá trị tài sản trên đất (giá trị tài sản nhà ở và các công trình phụ trợ khác…). Việc giải quyết hậu quả những vụ việc này là hết sức phức tạp, làm ảnh hưởng đến uy tín của cá nhân Chấp hành viên, cán bộ và các cơ quan pháp luật là không tránh khỏi, thậm chí là dẫn đến việc kỷ luật cán bộ và xem xét trách nhiệm bồi thường nhà nước.

**3.3 Vai trò của Viện kiểm sát trong cưỡng chế thi hành án:**

Như chúng ta đã biết về tính chất, cưỡng chế thi hành án dân sự là một biện pháp nghiêm khắc được Chấp hành viên áp dụng trong quá trình tổ chức thi hành án, thể hiện việc Cơ quan thi hành án sử dụng quyền lực nhà nước để buộc người phải thi hành án thi hành nghĩa vụ mà bản án, quyết định đã tuyên.

Tại tất cả các cuộc cưỡng chế đều có Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện chức năng kiểm sát. Vấn đề được đặt ra là vị trí, vai trò của Đại diện Viện kiểm sát trong cuộc cưỡng chế thi hành án dân sự này là như thế nào? Để trả lời chính xác câu hỏi này cần phải tuân theo các quy định của pháp luật về vai trò, vị trí của Viện kiểm sát trong công tác thi hành án dân sự.

Theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014 và Điều 1 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 255/QĐ-VKSTC-V10 ngày 19/6/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về vị trí của công tác kiểm sát thi hành án dân sự: “Công tác kiểm sát thi hành án dân sự là một trong những công tác thực hiện chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật”. Quy chế cũng dành hẳn 10 Điều (từ Điều 23 đến Điều 32) trong Chương II quy định về việc kiểm sát cưỡng chế thi hành án. Tại Khoản 2 Điều 12 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, quy định: Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành án dân sự.Khi kiểm sát thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan; ban hành kết luận kiểm sát khi kết thúc việc kiểm sát; Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 11/7/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự ngày 11/7/2011 quy định: “Thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện gồm có:

     a)  Chủ tịch hoặc 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện - Trưởng ban;

    b) Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự - Phó trưởng ban;

    c) Các ủy viên gồm: Đại diện lãnh đạo Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công an cấp huyện.

    Mời đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tham gia họp Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện;”

Có thể thấy, việc không đưa Viện kiểm sát vào thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp là để Viện kiểm sát các cấp thực hiện đúng chức năng của mình. Như vậy, việc tham gia của Viện kiểm sát tại các cuộc cưỡng chế thi hành án dân sự là để kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án nhằm bảo đảm việc thi hành án kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phải phối hợp chặt chẽ với Cơ quan thi hành án dân sự để thực hiện nhiệm vụ kiểm sát thi hành án dân sự là việc làm cần thiết, nhằm không để xẩy ra vi phạm sai sót trong công tác thi hành án dân sự. Song, phải khẳng định sự có mặt của đại diện Viện kiểm sát là để thực hiện chức năng kiểm sát, chứ không phải là “ lực lượng tham gia vào các hoạt động tổ chức thi hành án dân sự của cơ quan thi hành án dân sự các cấp”. Trong các cuộc cưỡng chế này, Kiểm sát viên có quyền áp dụng tất các các biện pháp theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Quy chế kiểm sát thi hành án dân sự và các quy định pháp luật khác yêu cầu Chấp hành viên chủ trì cuộc cưỡng chế, các thành viên tham gia cuộc cưỡng chế thực hiện đúng, đầy đủ quy trình cưỡng chế.

**II/MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**

 **KHÂU CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Theo chúng tôi, để nâng cao được chất lượng, hiệu quả của công tác Kiểm sát thi hành án dân sự, thì phải làm tốt những nội dung cơ bản sau:

 **1. Nhóm giải pháp về con người.**

Đây là giải pháp then chốt, bởi lẽ Cán bộ là nguồn cội của mọi công việc. Để làm tốt giải pháp này trước hết Lãnh đạo các đơn vị phải xác định rõ nhiệm vụ của công tác Kiểm sát thi hành án dân sự. Từ đó quan tâm đến việc sắp xếp, bố trí cán bộ; cử những người có kinh nghiệm hoặc cán bộ có năng lực thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án dân sự cho phù hợp. Tạo điều kiện cả về thời gian, phương tiện đi lại cho cán bộ, kiểm sát viên được phân công thực hiện nhiệm vụ hoàn thành nhiệm vụ, đạt chất lượng cao. Được như vậy thì không chỉ đáp ứng được nhiệm vụ của ngành trong công tác kiểm sát thi hành án dân sự mà còn đáp ứng cả yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

**1.1 Những giải pháp trước mắt:**

- Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên, cán bộ làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự cần quán triệt sâu sắc chức năng, quyền hạn của Viện Kiểm sát nhân dân khi thực hiện công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác thi hành án dân sự. Mỗi Kiểm sát viên phải nắm vững quy trình đối với từng giai đoạn thi hành án dân sự.

- Nhận thức đúng, đầy đủ về các quyền như: Yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị là những quyền năng cơ bản và quan trọng của Viện Kiểm sát để khi thực hiện các quyền này phải đảm bảo đúng quy định pháp luật, có chất lượng và đạt hiệu quả cao.

- Thường xuyên kiểm sát hoạt động thi hành án: Kiểm sát viên phải thực hiện kiểm sát thường xuyên, chặt chẽ đối với các loại quyết định về thi hành án; hồ sơ đối với các trường hợp miễn, hoãn; tạm đình chỉ; đình chỉ; trả đơn yêu cầu; áp dụng thời hiệu; các biện pháp cưỡng chế thi hành án; hồ sơ về kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị; yêu cầu tự kiểm tra kết luận; hồ sơ giải quyết khiếu nại; hồ sơ các cuộc trực tiếp kiểm sát; hồ sơ về kiểm sát các quyết định về miễn, giảm thi hành các khoản tiền phạt, án phí.

- Tăng cường trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác thi hành án dân sự đối với cơ quan thi hành án. Trực tiếp kiểm sát là thẩm quyền và là một trong các phương thức kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thi hành án dân sự.

**1.2 Những giải pháp lâu dài:**

- Để thực hiện tốt công tác kiểm sát thi hành án dân sự, Lãnh đạo Viện kiểm sát cấp huyện cần có nhận thức, đánh giá và quan tâm đúng mức đối với khâu công tác này. Trong bố trí, phân công cán bộ cần có kế hoạch tăng cường biên chế, điều động tương xứng với tính chất, mức độ công việc của từng đơn vị.

- Tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ của Viện Kiểm sát cấp trên đối với Viện Kiểm sát cấp dưới để các đơn vị nghiên cứu, học tập, rút kinh nghiệm.

- Cần thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm sát thi hành án dân sự cho đội ngũ Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự. Lãnh đạo ở Viện kiểm sát cấp huyện phải có chỉ đạo cụ thể đối với cán bộ, Kiểm sát viên phải tiếp cận thường xuyên tất cả các khâu công tác kiểm sát, nhất là công tác kiểm sát thi hành án dân sự, để bổ sung kiến thức, năng lực thực tiễn phục vụ cho công tác kiểm sát lâu dài, chú trọng chuẩn bị lực lượng kế thừa, thay thế số cán bộ sẽ nghỉ hưu. Đây cũng là một giải pháp cần thiết và hết sức quan trọng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng kịp thời cho việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ngành.

**2. Nhóm giải pháp về nghiệp vụ.**

Trong quá trình thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án dân sự phải nắm chắc và tuân thủ các quy định của Quy chế công tác kiểm sát thi hành án dân sự (ban hành kèm theo quyết định số 255/2013/QĐ/VKSTC-V10 ngày 19/6/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao). ( quy chế mới đang dự thảo)

Trước hết các đơn vị phải mở sổ thụ lý để theo dõi đủ các quyết định của cơ quan thi hành án dân sự; mở sổ theo dõi việc cấp, giao bản án, quyết định, giải thích, đính chính, sửa đổi, bổ sung bản án, quyết định của tòa án. Làm tốt khâu này sẽ dễ dàng cho việc theo dõi việc cấp bản án, quyết định và việc chuyển giao bản án, quyết định của cơ quan tòa án cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Luật thi hành án dân sự; đồng thời kiểm sát được việc ra quyết định thi hành án chủ động và quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự được quy định tại Điều 36 Luật thi hành án dân sự.

Khi kiểm sát việc ra Quyết định thi hành án dân sự của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự, thì cán bộ, Kiểm sát viên cần phải xem xét tính căn cứ pháp luật, phải biết được nội dung vụ việc và xác định những bản án, quyết định dân sự được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Kiểm sát chặt chẽ việc làm của Chấp hành viên, để thi hành đúng nội dung bản án, quyết định nhằm bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự…

Kiểm sát việc Chấp hành viên xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án,

Kiểm sát việc Chấp hành viên quyết định áp dụng biện pháp đảm bảo thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án, lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án; việc thu giữ tài sản thi hành án. Lưu ý, khi cưỡng chế đối với tài sản là vật cần xác định đến tài sản không được kê biên được quy định tại Điều 87 Luật thi hành án dân sự.

Kiểm sát chặt chẽ những trường hợp Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định cho hoãn thi hành án được quy định tại Điều 48; tạm đình chỉ thi hành án được quy định tại Điều 49; đình chỉ thi hành án được quy định tại Điều 50 …

Kiểm sát chặt chẽ thủ tục thu nộp, quản lý, sử dụng phí thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 60 Luật thi hành án dân sự. Kiểm sát sự thật khách quan trong việc người phải thi hành án không có tài sản để thi hành các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước thì có thể được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án được quy định tại Điều 61 Luật thi hành án dân sự.

Kiểm sát việc thứ tự thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47; tiền chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 73; xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điều 124 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài kiểm sát việc Chấp hành viên thi hành theo bản án, quyết định dân sự nêu trên, còn phải kiểm sát chặt chẽ những việc Chấp hành viên không được làm theo quy định tại Điều 21 Luật thi hành án dân sự.

 Tóm lại, Kiểm sát thi hành án dân sự là bộ phận cấu thành của chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành Kiểm sát, một chức năng Hiến định.

 Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của công tác kiểm sát thi hành án dân sự là rất quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, để làm tốt được việc đó thì ngoài sự cố gắng nỗ lực của số cán bộ, kiểm sát viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thì nó đòi hỏi phải được sự quan tâm rất sát sao của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Viện kiểm sát các cấp để khâu công tác này thực sự có chất lượng, góp phần vào nhiệm vụ chung của toàn ngành. Mặt khác, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm sát thi hành án dân sự phải gắn liền với việc hoạch định công tác cán bộ cả ngắn và dài hạn của ngành; có kế hoạch đào tạo tại chỗ; tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm công tác kiểm sát thi hành án dân sự cho đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ ở khâu công tác này trong toàn ngành.

 Trên đây là báo cáo thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát thi hành án dân sự của phòng 11 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa xin trân trọng báo cáo đến toàn thể Hội nghị.